

LIÊN KẾT HỒI CHỈ TRONG BÀI VIẾT CỦA SINH VIÊN HÀN QUỐC

NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN*

Trong bài viết của sinh viên Hàn Quốc học tiếng Việt, đôi khi người đọc bắt gặp những câu không thể gọi là chỉnh thể. Vấn đề không hoàn toàn nằm ở lỗi ngữ pháp mà là ở việc sử dụng thiếu tường minh các phương tiện liên kết văn bản, cụ thể là liên kết hồi chỉ. Qua khảo sát, những lỗi như vậy tập trung ở ba loại: (1) sử dụng lệch lạc ngữ đoạn hồi chỉ với cương vị là chủ ngữ của tiểu cú hoặc phần đề của câu kể cận với tiền văn, (2) thiếu vắng ngữ đoạn hồi chỉ với cương vị là đơn vị quy chiếu về tiền văn, (3) đặt sai vị trí của ngữ đoạn hồi chỉ. Để điều chỉnh, việc thay thế, bổ sung thêm yếu tố hồi chỉ, chuyển vị hồi tố đến đúng chỗ được xem là những biện pháp cần thiết.

Từ khóa: văn bản, liên kết, ngữ đoạn hồi chỉ, sinh viên Hàn Quốc

Nhận bài ngày: 10/10/2018; *đưa vào biên tập:* 12/10/2018; *phản biện:* 14/10/2018; *duyet đăng:* 25/10/2018

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nếu xem văn bản/diễn ngôn là một chỉnh thể bao gồm những câu có mối liên kết chặt chẽ với nhau theo một mạch hoàn chỉnh, cả về nội dung lẫn hình thức, thì không thể không nói đến vai trò của các phương thức liên kết văn bản. “Liên kết, xét tổng thể, là một bộ (tập hợp) các hệ thống ngữ pháp-từ vựng phát triển một cách chuyên biệt thành một nguồn lực có thể vượt qua các biên giới của câu, giúp cho các câu trở thành một chỉnh thể.” (Diệp Quang Ban, 2012: 347). Để đạt được điều này, tức “giúp các câu trở

thành một chỉnh thể”, đối với người viết văn bản tiếng Việt (dưới dạng bài viết trong lớp) mà không phải là người bản ngữ, sẽ có những băn khoăn. Làm thế nào để cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa trong những đơn vị liên quan như ngữ đoạn, câu, đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ với nhau? Sử dụng cách diễn đạt như thế nào để từng yếu tố ngôn ngữ thỏa được yêu cầu vừa rõ ràng vừa logic đối với người đọc? Tránh tình trạng viết ra (những) câu bị xem là chưa thể hiện được phép liên kết văn bản, cụ thể là liên kết hồi chỉ, kiểu:

(1) **Em** làm quen với bạn ở Việt Nam. Bạn **tôi** rất tốt bụng.

(2) **Bạn em và em** mỗi ngày cố gắng chơi bóng rổ để đoạt được chức vô

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

địch ở Hàn Quốc nhưng **chúng tôi** không đoạt được.

(3) **Tôi** rất vui vì đây là lần đầu tiên đã đi du lịch nước ngoài.

(4) Sau khi kết hôn, **tôi** thấy giống bố mẹ. Tôi cũng siêng năng, cũng thức dậy sớm mỗi ngày.

(5) Nếu **em** có **bạn Việt** thì sẽ giúp với **nhau**.

(6) Sau này em muốn sống ở **Jeju**. Vì thức ăn ngon, người Jeju hiền lành và Jeju đẹp.

(7) Đạo này có những người trẻ **bị tổn thương hoặc tự sát**. Những người trẻ **bị tổn thương như vậy** rất nhiều.

(8) Ở Jeju không có nhiều trường vì có người già nhiều hơn người trẻ. Tại vì khi **họ** lớn lên thì qua thành phố để làm việc và người già qua lại Jeju để sống tiện lợi.

Để tìm câu trả lời cho vấn đề đặt ra, việc khảo sát quan hệ liên kết giữa các yếu tố ngôn ngữ (được in đậm) trong từng câu hoặc tổ hợp câu nêu trên là một bước cần thiết.

2. VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT HỒI CHỈ

Nhận định về quan hệ liên kết (cohesion) giữa các câu trong văn bản, Cao Xuân Hạo (2017: 368-369) viết: “Các câu làm thành một tổ hợp câu hay đoạn văn có thể gồm có những sở chỉ chung. Trong trường hợp đó sở chỉ của những danh ngữ, vị ngữ trong một câu, hay của cả câu đó (tức là cái sự tình được câu đó biểu thị) có thể được biểu thị bằng những yếu tố hồi chỉ (anaphoric) trong (các) câu kế theo và bằng những yếu tố khứ chỉ

(cataphoric) trong (các) câu đi trước”. Trên cơ sở nhận định vừa nêu, có thể nói rằng các câu bên trên (1-8) có điểm chung là thiếu sự liên lạc giữa những yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc liên câu. Nói cách khác, sở chỉ của những danh ngữ trong câu chưa được “biểu thị bằng những yếu tố hồi chỉ” tường minh, dẫn đến việc phá vỡ tính mạch lạc của văn bản. Sự thiếu tường minh đó thể hiện ở: 1) việc sử dụng lệch lạc ngữ đoạn hồi chỉ với cương vị là chủ ngữ của tiểu cú hoặc phần đề của câu kế cận với câu/ngữ đoạn đứng trước (tiền văn); 2) thiếu vắng ngữ đoạn hồi chỉ với cương vị là đơn vị quy chiếu về tiền văn; 3) đặt sai vị trí của ngữ đoạn hồi chỉ.

Dưới đây, chúng tôi xin phân tích nguyên nhân của những thiếu sót trong các câu văn trên.

2.1. Sử dụng lệch lạc ngữ đoạn hồi chỉ

Trong văn bản hoặc ngôn bản, liên kết được hình thành không chỉ thông qua các phương tiện ngữ pháp như quy chiếu, tỉnh lược, kết từ, mà còn bằng các phương thức từ vựng, như Trần Ngọc Thêm (1985) đã chỉ ra: phép lặp, đối, thế đồng nghĩa, liên tưởng, tuyến tính, thế đại từ... Nhờ đó tính mạch lạc của văn bản sẽ làm nên những chỉnh thể không chỉ ở cấp độ câu mà còn ở liên câu/đoạn văn. Cụ thể hơn, Cao Xuân Hạo (2017), Diệp Quang Ban (2012) đã phân định: đại từ (thường ở ngôi thứ ba số ít hoặc số nhiều), chỉ định từ (*này, đó, ấy, đấy*), hoặc các ngữ đoạn hồi chỉ,

bao gồm danh từ trung tâm và định tố là các chỉ định từ... là những yếu tố hồi chỉ được dùng trong văn bản nhằm liên kết quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ, các ngữ đoạn trong nội bộ câu hoặc tổ hợp các câu. Tuy nhiên, khi khảo sát quan hệ liên kết giữa hai câu trong trường hợp thứ nhất (câu 1) vấn đề xảy ra tuy cũng liên quan đến ngữ đoạn hồi chỉ nhưng tình hình có khác. Về phương diện cấu trúc cú pháp, không thể nói rằng hai câu trong (1) là những đơn vị sai ngữ pháp khi xem xét quan hệ cú pháp hoặc quan hệ nghĩa giữa các thành tố trong từng câu riêng lẻ. Xét về phương diện liên kết văn bản, chính sự có mặt của ngữ đoạn đóng vai đề (*bạn tôi*) trong câu sau lại trở thành nguyên nhân gây mất mạch lạc với câu đứng liền trước (*Em làm quen bạn ở Việt Nam*). Trong câu vừa nêu, đối với người đọc, do người viết tự xác nhận vai giao tiếp của mình thấp hơn nên *em* được xem là đại từ thích hợp trong vai đề của câu trước. Theo hướng này, đương nhiên theo logic, ngữ đoạn được chọn làm đề của câu tiếp theo phải giúp người đọc hình dung trở lại đúng với đối tượng được hướng đến, bạn của người viết (*bạn em*). Thế nhưng, tình hình chuyển biến khác đi khi định tố (*tôi*) của trung tâm danh ngữ (*bạn*) làm sai lệch hướng quy chiếu về tiền văn. Tương tự, câu (2), được thể hiện dưới dạng câu phức có kết tố *nhưng*, hành chức với vai trò của một tác tử biểu thị quan hệ ngược logic giữa hai mệnh đề. Nhưng việc gây lỗi

liên kết không ở chỗ kết tố mà là ở đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều (*chúng tôi*), đứng liền kề sau kết tố. Trong câu, như đã nói, việc người viết tự hạ thấp ngôi xưng hô của mình (*em*) không có gì phải bàn. Tuy nhiên với lý do tôn trọng nhân vật liên quan (như bạn, bố, mẹ, gia đình chẳng hạn) ngữ đoạn quy chiếu lại có xu hướng được chuyển thành đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều (*chúng tôi*, như trường hợp của câu 2); hoặc yếu tố phụ thuộc vào danh từ trung tâm lại nhờ đến sự có mặt của đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít (*tôi*, trường hợp của câu 1). Về điều này, có thể dễ dàng tìm thấy trong bài viết của một số sinh viên người Hàn những câu tương tự như hai câu (9, 10) dưới đây:

(9) **Em** đã đi học ở ba trường tiểu học khác nhau. Vì **gia đình chúng tôi** chuyển nhà nhiều lần.

(10) Sau khi học xong, **em** thường đi chơi với **bạn bè**. Thời gian đó là một kỷ niệm không thể quên được. **Chúng tôi** đã chơi, giải trí, ăn món ăn ngon và tập thể dục ở công viên.

Trở lại với câu (2) bên trên, có hai cách để làm rõ quan hệ liên kết giữa các thành phần trong câu. Một là thay đại từ hồi chỉ đến ngôi nhân xưng (*chúng em* thay vì *chúng tôi*). Hai là viện đến phép tỉnh lược, mà cụ thể ở đây là lược bỏ chủ ngữ (*chúng tôi*) của mệnh đề đứng sau kết tố biểu thị ý tương phản (*nhưng*).

Nếu xem tỉnh lược là một thủ pháp nhằm lược bỏ ngữ đoạn không cần

thiết, thay vào đó là ngữ đoạn hồi chỉ rỗng/zero nào đó thì tính hiệu quả sẽ khá cao trong việc tiết kiệm, tránh lặp lại từ ngữ đã dùng. Ngược lại khi thủ pháp này bị vận dụng nhầm, hệ lụy không phải là không có. Các câu (3, 4, 5) là một ví dụ. Trong các câu này, dường như đối với một số sinh viên Hàn Quốc, sự hiện diện của đề (*tôi rất vui*, câu 3; *tôi thấy*, câu 4; *nếu em có bạn Việt*, câu 5) có lẽ đủ để trở thành yếu tố chi phối quan hệ liên kết giữa các thành phần khác trong câu hoặc tổ hợp câu. Ở góc độ khác, xem xét vấn đề trong mối quan hệ cú pháp giữa trung tâm và phụ ngữ, có thể nói mệnh đề trong phần thuyết (*đã đi du lịch nước ngoài*, câu 3; *giống bố mẹ*, câu 4; *sẽ giúp nhau*, câu 5) được xếp vào loại thiếu hoàn chỉnh do vị trí rỗng của trung tâm-chủ ngữ. Hay nói khác đi, nguyên nhân gây lỗi là do việc tỉnh lược, hoặc chưa hiểu được vai trò của đại từ hồi chỉ. Như vậy với người học tiếng Việt, sự băn khoăn sẽ còn đó nếu chưa biết khi nào cần tỉnh lược ngữ đoạn, và khi nào việc sử dụng phép tỉnh lược lại gây ảnh hưởng đến tính thống nhất về mặt nội dung của cả cấu trúc. So sánh câu (2) với các câu đang bàn (3, 4, 5) có lẽ là một hướng trả lời. Với (2), việc tỉnh lược yếu tố quy chiếu (*chúng em*) là tùy chọn. Nghĩa là, sự có mặt hay vắng mặt của yếu tố này không tác động đến quan hệ nghĩa cũng như quan hệ cú pháp giữa các thành tố trong câu. Ngữ đoạn đóng vai đề (*bạn em và em*) vẫn có thể đảm đương chức trách làm

trung tâm cho phần thuyết đứng liền kề (*mỗi ngày cố gắng chơi bóng rổ*) và cho cả phần thuyết trong mệnh đề biểu thị kết quả trái với mong đợi (*không đạt được*). Điều này ít nhiều có liên quan đến sự hiện diện của tác tử đánh dấu ranh giới giữa hai mệnh đề (*nhưng*). Với phần đề chiếm vị trí ở đầu câu phức có chứa tác tử này, việc tỉnh lược đề ở mệnh đề sau là có thể. Trong tiếng Việt, không thiếu những câu kiểu: *Nó mua nhiều giày nhưng (nó) chỉ mang đúng một đôi*. Phổ biến là vậy, nhưng để áp dụng thủ pháp này cho ba câu trên (3, 4, 5) sẽ khó chấp nhận. Với câu (3), câu có chứa kết tố chỉ nguyên nhân (*vì*), yêu cầu có trung tâm cho phần thuyết trong mệnh đề được đặt ra. Do vậy, mệnh đề có chứa yếu tố bắc cầu trở nên lỏng lẻo (*vì đây là lần đầu tiên đã đi du lịch nước ngoài*) khi không gắn kết được với phần đề đầu câu (*tôi rất vui*). Về phần câu (4), câu (5) tỉnh lược cũng không thể áp dụng được do biện pháp này gây mất sự liền mạch trong nội bộ câu, cho dù đó là câu đơn (câu 4) hay câu phức có chứa cặp từ hô ứng *nếu... thì...* (câu 5). Để giải quyết vấn đề, khôi phục quan hệ liên kết giữa các yếu tố ngôn ngữ trong hai câu (3, 4), có thể viện đến chứng cứ cú pháp (syntactic evidence) như đại từ *mình*, chẳng hạn. Trong tiếng Việt, đại từ phản thân (*mình*) có mối gắn kết chặt chẽ với chủ ngữ. Nếu chủ ngữ ở ngôi nào, sự có mặt của đại từ phản thân ở vị trí cuối vị ngữ có chức trách quy chiếu vào chính chủ ngữ ấy.

Điều này cũng áp dụng được cho trường hợp phục nguyên lại yếu tố hồi chỉ vì vô tình hay cố ý đã bị tỉnh lược. Theo phương cách này, hai câu (3, 4) được viết lại với phần thêm vào đại từ phản thân (*mình*) hoặc đại từ chỉ ngôi thứ nhất số ít (*tôi*), đóng vai yếu tố hồi chỉ.

(11) **Tôi** rất vui vì đây là lần đầu tiên **mình/tôi** đã đi du lịch nước ngoài.

(12) Sau khi kết hôn **tôi** thấy **mình** giống bố mẹ. Tôi cũng siêng năng, cũng thức dậy sớm mỗi ngày.

Riêng với câu còn lại, câu (5), việc bắc cầu liên kết giữa đề (*nếu em có bạn Việt*) với phần thuyết (*thì sẽ giúp nhau*) được trao cho đại từ hồi chỉ ngôi thứ nhất số nhiều (*chúng em*). Qua những phân tích về những trường hợp bên trên, đến đây có thể đi đến kết luận rằng “Liên kết, xét cụ thể, là kiểu quan hệ nghĩa giữa hai yếu tố ngôn ngữ nằm trong hai câu mà muốn hiểu nghĩa cụ thể của yếu tố này thì phải tham khảo nghĩa của yếu tố kia, và trên cơ sở đó hai câu (hai mệnh đề) chứa chúng liên kết được với nhau” (Diệp Quang Ban, 2012: 347).

2.2. Thiếu vắng hoặc đặt sai vị trí của ngữ đoạn hồi chỉ

Như vậy, thông qua những biểu thức trong phép liên kết hồi chỉ như liên kết hồi chỉ bằng đại từ nhân xưng, bằng đại từ phản thân, qua ngữ đoạn hồi chỉ... các yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc giữa các mệnh đề được gắn với nhau một cách liên lạc. Còn khi thiếu hoặc vận dụng thiếu tường minh ngữ

đoạn hồi chỉ, tính mạch lạc, chính xác về mặt cú pháp, ngữ nghĩa trong cấu trúc sẽ gặp vấn đề. Minh họa cho điều này là câu (6) bên trên.

Câu (6) lặp lại

Sau này em muốn sống ở Jeju. Vì thức ăn ngon, người Jeju hiền lành và Jeju đẹp.

Nếu như từ câu (5) trở lên, vấn đề với người đọc là không tìm thấy sự hiện diện của đại từ nhân xưng hoặc ngữ đoạn có liên quan đến đại từ nhân xưng để quy chiếu về tiền văn thì trong câu (6), vấn đề có khác. Mạch văn đang liên lạc theo chủ đề được đặt ra: người viết trình bày nguyện vọng của mình là muốn sống ở một nơi có tên gọi đảo Jeju; có ba lý do được nêu: thức ăn, người dân và phong cảnh địa phương. Tuy nhiên khi đọc đến câu thứ hai, người đọc bị hụt hẫng. Trong ba mệnh đề ở câu này, mệnh đề thứ hai (*người Jeju hiền lành*) và mệnh đề cuối (*Jeju đẹp*) đều là những chỉnh thể bao gồm trung tâm (*người Jeju, Jeju*) đứng liền trước phụ ngữ (*hiền lành, đẹp*), có quan hệ liên kết chặt với nhau cả về ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa. Riêng mệnh đề đầu tiên, lẽ ra với sự hiện diện của yếu tố bắc cầu (*vì*), một cấu trúc với đầy đủ thành phần (trung tâm - phụ ngữ) sẽ làm nên sự kết nối giữa câu trước và câu sau, nhưng chỉ vì sự thiếu vắng của yếu tố hồi chỉ (để tránh lặp từ quá nhiều) về nơi người viết muốn sống sau này, quan hệ liên kết với tiền văn bị đứt đoạn. Như trên đã nói, quy chiếu được hiểu là sự quay trở lại yếu tố ngôn ngữ đứng

trước nhằm hiểu rõ hơn đơn vị còn chưa rõ nghĩa từ vựng, hiện đang ở vị trí của định ngữ, bổ ngữ trong câu hoặc ở câu liền sau. Và điều này chỉ hiệu lực khi ngữ đoạn quy chiếu hiện diện trong câu. Một khi ngữ đoạn được quy chiếu đã tường minh nhưng không tìm thấy bóng dáng của ngữ đoạn mốc để từ đó quy về đơn vị tiền văn, thì tính mạch lạc chắc hẳn sẽ không vẹn toàn. Trường hợp của câu (6) là vậy. Địa điểm cụ thể (*Jeju*) đã có, các ý tiếp theo đều xoay quanh giới ngữ chỉ nơi chốn (*ở Jeju*). Điều đáng tiếc lại xảy ra do trong câu liền kề với câu chủ đề không có chuyển tổ chỉ nơi chốn (*ở*) đi kèm với chỉ định từ (*đó*), đóng vai định tổ. Hay nói khác đi, giới ngữ hồi chỉ (*ở đó*) vắng mặt nên sự mờ mờ về nơi chốn trong câu liền sau hiển nhiên xảy ra. Do vậy, để tạo sự mạch lạc, tránh lặp từ nhiều lần gây nặng nề cho cấu trúc, câu (6) có thể được viết lại như sau:

(13) Sau này em muốn sống **ở Jeju**. Vì **ở đó** thức ăn ngon, người dân hiền lành và phong cảnh lại đẹp.

Như vậy qua phân tích trường hợp của (6), có thể thấy rằng các đại từ *đây, ấy, đó, đấy, thế, vậy* cũng được dùng như yếu tố hồi chỉ hoặc định tổ trong ngữ đoạn hồi chỉ để thay cho giới ngữ chỉ nơi chốn, hoặc những câu, những tiểu cú, những vị ngữ trong câu đi trước (Cao Xuân Hạo, đã dẫn). Thay thế nào cho chính xác là tùy trình độ của người viết. Nếu không đúng, sẽ lại bắt gặp những câu tương tự như (14) dưới đây.

(14) Em đã đến thăm **di tích lịch sử ở Hàn Quốc** với một số bạn bè. **Đây** tên là “Địa điểm di sản Sun Sa”.

Trong tiếng Việt, *đây, đó, ấy, đấy* vốn là những đại từ trực chỉ nhưng khi kết hợp với *là*, chúng có thể được dùng với vai trò của phần đề trong câu. Và muốn hiểu rõ nghĩa của tổ hợp thì phải quy chiếu về ngữ đoạn, tiểu cú hoặc câu đứng trước. Để làm được điều này, trong trường hợp đang bàn, cách đơn giản nhất là lược bỏ danh từ chỉ cá nhân, cá thể (*tên*) đang chen vào giữa tổ hợp (*đây là*); thay từ trực chỉ thích hợp (*đấy/đó*) nhằm xác định nơi được quy chiếu về không phải là địa điểm hiện tại (*đây*). Một cách khác nữa, giữ lại danh từ bị cho là có vấn đề (*tên*); dùng từ trực chỉ (*ấy/đó*) như một định tổ hạn định không gian của danh từ biểu thị địa điểm (*nơi*); và dùng ngữ đoạn danh từ này như yếu tố hồi chỉ về bổ ngữ trong tiền văn (*di tích lịch sử ở Hàn Quốc*). Do vậy câu (14) có thể được biến đổi thành những câu như (15a, 15b) bên dưới.

(15) a. Em đã đến thăm **di tích lịch sử ở Hàn Quốc** với một số bạn bè. **Đấy/đó** là “Địa điểm di sản Sun Sa”;
b. Em đã đến thăm **di tích lịch sử ở Hàn Quốc** với một số bạn bè. **Nơi ấy/đó** tên là “Địa điểm di sản Sun Sa”.

Trong vai những yếu tố được dùng thay cho những câu, những tiểu cú còn có hai đại từ khác (*thế, vậy*). Hai đại từ này có vị trí ở đầu câu (hoặc đứng sau chuyển tổ), tại vị trí của đề - làm đề; ở liền sau phần đề, tại vị trí của thuyết - làm thuyết hoặc trong vai

bổ tố của vị từ - làm bổ ngữ. Nếu muốn hiểu rõ sự tình được quy chiếu, cần phải quay lại đơn vị có nội dung nghĩa cụ thể hơn, chẳng hạn với câu: *Họ nói chuyện với nhau trông có vẻ thân thiết lắm. Như vậy có lẽ họ là bạn bè cũ*. Sự hiện diện của *vậy/như vậy* là có mục đích. Tác dụng hồi chỉ của những yếu tố loại này là nhằm giúp người đọc hình dung ra sự tình bằng cách xem lại câu liền trước. Nhưng vấn đề sẽ khác đi khi tiểu cú có ngữ đoạn hồi chỉ (*như vậy*) bị gián đoạn với trung tâm. Khảo sát câu (7) sẽ hiểu rõ hơn vấn đề.

Phân biệt giữa nghĩa (sense) và sở chỉ (referent), Hudson (1991: 125) cho rằng nghĩa của từ là phạm trù khái quát nào đó, trong khi sở chỉ của nó là ví dụ cụ thể về phạm trù này. Do đó nên xem sở chỉ như cấu trúc tinh thần hơn là thực thể. Xét trường hợp cụ thể của câu (7), vấn đề không nằm ở từng từ hoặc từng ngữ đoạn mà là ở sở chỉ của câu. Thường thì sở chỉ của câu trước hoặc sở chỉ của một bộ phận câu, như phần thuyết chẳng hạn, “có thể được biểu thị bằng những yếu tố hồi chỉ trong (các) câu kế theo” (Cao Xuân Hạo, 2017: 369). Sử dụng đúng yếu tố hồi chỉ là một chuyện, còn việc đặt hồi tố đó ở vị trí nào trong câu lại là một chuyện có liên quan đến quy tắc tuyến tính. Trong một ngữ đoạn, ngữ đoạn danh từ hoặc ngữ đoạn vị từ, theo quan điểm của ngữ pháp phụ thuộc (Dependency) với khởi đầu từ Tesnière (1959), quan hệ cú pháp giữa các thành tố trong câu được xem là

quan hệ theo chiều ngang (horizontal relation). Nghĩa là nếu các chuỗi từ được phân tích như là bộ phận (parts) của cái toàn thể (whole), chúng có thể được liên kết với nhau bằng việc quy chiếu về trung tâm. Nói cách khác, chúng cùng chia sẻ một sở chỉ chung/cùng biểu thị một sự tình và sự có mặt của trung tâm là điều kiện tiên quyết, nhưng phần hạn định, miêu tả hoặc xác định phạm vi được trao cho phụ ngữ. Trong vai của cái phụ thuộc, vị trí của phụ ngữ được mặc định là đi liền kề sau trung tâm. Một khi ngữ đoạn được mở rộng, ngữ phụ thuộc ban đầu bị tách khỏi yếu tố chi phối nó; đương nhiên, phần phụ được thêm vào sau trở thành phụ ngữ chính thức của trung tâm. Và thành phần phụ bị đẩy ra ngoài có một cương vị mới, trở thành phụ tố của ngữ đoạn đi trước. Điều này có thể hình dung rõ ràng hơn trong câu (7). Xét quan hệ cú pháp và quan hệ nghĩa của từng câu riêng lẻ, không thể nói câu đang bàn (*Những người trẻ bị tổn thương như vậy rất nhiều*) là có gì đó không ổn. Cấu trúc câu vẫn bao gồm phần đề (*những người trẻ bị tổn thương như vậy*) và phần thuyết (*rất nhiều*). Các thành tố trong câu vẫn góp phần làm nên sở chỉ chung của cả câu (*những người trẻ bị tổn thương*). Tuy nhiên, nếu xem xét vấn đề trong mối quan hệ liên kết với câu trước (*Đạo này nhiều người trẻ bị tổn thương hoặc tự sát*), chính sự lặp lại một trong hai định tố (*bị tổn thương*), cho giống câu trước, đã gây ra gián đoạn, thậm chí là làm

hồng tính mạch lạc giữa hai câu. Như trên đã phân tích, ngữ đoạn hồi chỉ (*như vậy*) xuất hiện trong câu như một chứng cứ cú pháp nhằm hướng sự lưu ý của người đọc về nội dung đã được trình bày khá rõ trong tiền văn. Do vậy, yếu tố ngôn ngữ này đủ tư cách thay cho ngữ đoạn, tiểu cú, hoặc cả câu đi trước. Với câu đang xét, định ngữ (*bị tổn thương*) bị lặp lại trở nên thừa, cần được lược bỏ, tránh gây ảnh hưởng đến quan hệ về nghĩa từ vựng giữa hai câu.

Qua những phân tích bên trên có thể nói rằng, điều kiện để hai/các câu làm nên tổ hợp có gắn kết chặt là sự liên mạch giữa các đơn vị làm nhiệm vụ khai triển đề tài. Có khi chủ đề của câu này cùng chung chủ đề với câu trước, có khi định ngữ hoặc bổ ngữ của câu trước được thể hiện dưới dạng ngữ đoạn hồi chỉ trong câu sau. Và tất cả đều có cùng sở chỉ hoặc nói về cùng một sự tình tuy cách thể hiện có khác nhau. Riêng về phía người đọc, sự thiếu mạch lạc hoặc chưa có sự tường minh trong việc sử dụng yếu tố hồi chỉ sẽ gây ra khuynh hướng quay trở lại tiền văn một lần nữa để tìm hiểu xem yếu tố ngôn ngữ trong vai hồi tố trở ai, người gì, việc gì hoặc sự tình nào. Câu (8) là một minh họa.

Câu (8) lặp lại

Ở Jeju không có nhiều trường vì có người già nhiều hơn người trẻ. Tại vì khi họ lớn lên thì qua thành phố để làm việc và người già qua lại Jeju để sống tiện lợi.

Trong câu này, theo cách hiểu của người đọc văn bản, người viết sử dụng đại từ hồi chỉ (*họ*) để thay cho ngữ đoạn (*người trẻ*) đứng ngay trước chuyển tố (*tại vì*). Lý do là, ngữ vị từ (*lớn lên*) đi sau đại từ hồi chỉ và cả phần thuyết trong tiểu cú liên quan (*qua thành phố để làm việc*) được hiểu là những đơn vị miêu tả hoặc giải thích về tình trạng và hoạt động tương lai của những người trẻ. Tuy nhiên, để thực hiện chức trách liên kết câu, đại từ/ngữ đoạn hồi chỉ nên được xem là đồng nhất hoặc đồng nghĩa với ngữ đoạn danh từ mà nó thay thế. Việc chọn ngữ đoạn danh từ đứng liền trước làm đối tượng được quy chiếu, trong khi chưa xét đến quan hệ ngữ pháp giữa nó với danh ngữ khác trong ngữ đoạn vị từ, dễ dẫn đến tình trạng gây mất liên lạc trong liên kết câu. Trong ngữ đoạn vị từ (*có nhiều người già hơn người trẻ*), cả hai danh ngữ (*người già, người trẻ*) đều có khả năng trở thành đối tượng được quy chiếu do việc sử dụng đại từ hồi chỉ ở câu sau không rõ ràng. Do vậy chọn chính xác yếu tố hồi chỉ, chưa phải là điều kiện đủ. Sắp xếp vị trí cho yếu tố này trong cấu trúc sao cho hợp lý cũng là việc cần lưu ý, đặc biệt với người nước ngoài còn bị ảnh hưởng bởi cấu trúc tiếng mẹ đẻ khi học tiếng Việt. Minh họa cho điều này là những phân tích về các câu (3, 4, 5, 6) bên trên. Trở lại với câu đang khảo sát, điều chỉnh lại vị trí của đại từ hồi chỉ, lặp lại ngữ đoạn danh từ đồng nghĩa với yếu tố hồi chỉ, có lẽ là một cách để chữa lỗi. Khi đó, một câu hoàn

chỉnh hơn về phương diện liên kết có thể như sau:

(16) Ở Jeju không có nhiều trường vì có người già nhiều hơn người trẻ. Vì khi **những người trẻ** lớn lên, họ qua thành phố để làm việc và người già **thường trở lại** Jeju để có cuộc sống tiện lợi hơn.

Thiếu vắng hoặc đặt nhầm vị trí của ngữ đoạn hồi chỉ trong câu, đối với người nước ngoài học tiếng Việt đôi khi khó nhận ra, một khi đơn vị được xem xét chỉ là từng câu riêng lẻ. Quan sát mối quan hệ liên kết với những đơn vị tương đương, thể hiện qua quan hệ nghĩa, tính mạch lạc, tính logic trong nội bộ câu hoặc liên câu, sẽ trở thành sự lưu ý tất phải có nơi người học.

3. KẾT LUẬN

Theo Cao Xuân Hạo (2017: 367): “Mạch lạc của một đoạn văn (đoạn đối thoại) lệ thuộc rất nhiều vào logic ngôn từ của những câu làm nên đoạn văn. Cấu trúc logic ngôn từ phản ánh hướng khai triển tư duy trong từng câu, cho nên nó phải phù hợp với hướng khai triển tư duy trong cả đoạn văn, nếu không phải là trong cả văn bản”. Khai triển thiếu, sai hoặc thiếu

tường minh, chức năng hồi chỉ của yếu tố ngôn ngữ không được phát huy, đó là chưa nói đến việc làm sai lệch hoặc gây mất mạch lạc trong nội bộ câu hoặc tổ hợp câu. Phương tiện liên kết hồi chỉ có nhiều loại, liên kết bằng đại từ, ngữ đoạn, hoặc bằng chỉ định từ... Liên kết được hình thành thông qua những đại từ hồi chỉ, ngữ đoạn hồi chỉ, vị ngữ hồi chỉ. Đến lượt mình, những đơn vị này đảm đương chức năng thay thế cho những đơn vị tương ứng ở tiền văn. Trong trường hợp của các câu (1-8) bên trên, thiếu hoặc mất mạch lạc trong câu/tổ hợp câu cũng nằm trong phạm vi sử dụng chưa chính xác những yếu tố hồi chỉ như vừa nêu. Để điều chỉnh, việc thay thế đại từ hồi chỉ có cùng sở chỉ với yếu tố ngôn ngữ tương đương trong tiền văn, bổ sung thêm yếu tố hồi chỉ (như đại từ nhân xưng, đại từ phản thân, ngữ đoạn hồi chỉ), chuyển vị hồi chỉ đến đúng chỗ, sau khi đã thêm vào danh ngữ đóng vai đơn vị được quy chiếu, được xem là những biện pháp cần thiết để bài viết của sinh viên người Hàn Quốc rõ ràng, tường minh hơn trong từng đơn vị câu lẫn tổ hợp câu. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cao Xuân Hạo. 2017. *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng* (tái bản lần 1). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Diệp Quang Ban. 2012. *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
3. Hudson, Richard. 1991. *English Word Grammar*. New York: Basil Blackwell.
4. Trần Ngọc Thêm. 1985. *Hệ thống liên kết văn bản*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.